

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8-2024

“*V/v Xin ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đợi, ông Nguyễn Tiến Tịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1966; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Ông Nguyễn Đức C và bà Nguyễn Thị V chung sống với nhau từ năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn. Hôn nhân của ông bà hoàn toàn tự nguyện. Ông bà có 01 người con chung là Nguyễn Văn N – Sinh ngày 07/3/1989 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông C và bà V đã sống ly thân từ năm 1997 đến nay. Vì vậy ông C đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị V.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị V trong quá trình giải quyết vụ án: bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Đức C chung sống với nhau từ năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn. Hôn nhân của ông bà hoàn toàn tự nguyện. Ông bà có 01

người con chung là Nguyễn Văn N – Sinh ngày 07/3/1989 hiện nay đã trưởng thành. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông C và bà V đã sống ly thân từ năm 1997 đến nay. Vì vậy trước yêu cầu của ông C xin Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà V đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà V và ông C là quan hệ vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng nguyên đơn, bị đơn theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức C, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Đức C và bà Nguyễn Thị V là quan hệ vợ chồng.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Đức C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Đức C yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà Nguyễn Thị V, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Nguyễn Thị V có địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil thụ lý là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức C:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức C và bà Nguyễn Thị V đều thừa nhận đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, mặc dù các bên có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Đức C, bà Nguyễn Thị V không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng hợp pháp. Do đó việc ông Nguyễn Đức C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và

bà **Nguyễn Thị V** là vợ, chồng hợp pháp là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

- Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông **Nguyễn Đức C**. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông **Nguyễn Đức C** và bà **Nguyễn Thị V** là quan hệ vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Không đề cập giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Ông **Nguyễn Đức C** phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005901 ngày 12/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Thuận An, huyện Đắk Mil
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thế Thắng